

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/LĐ-ST
Ngày 07-01-2026
V/v tranh chấp về tuyên bố hợp đồng lao
động vô hiệu và giải quyết về bảo hiểm xã
hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Loan

Ông Hoàng Ngọc Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghiệp - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 04/2025/TLST-LĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp về tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và giải quyết về bảo hiểm xã hội, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-LĐ ngày 12 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2025/QĐST-LĐ ngày 29 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn Ú, xã K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH G (viết tắt là Công ty G); địa chỉ: Tổ dân phố F, phường H, thành phố Hải Phòng; người đại diện theo pháp luật: Ông CHANG, TSUNG-YUAN - Chủ tịch; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bảo hiểm xã hội thành phố H; địa chỉ: Số B đường H, phường H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn Ú, xã K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 09/10/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị làm việc tại Công ty TNHH M từ tháng 03/2005 đến tháng 02/2011. Sau đó, chị làm việc tại Công ty TNHH C từ tháng 4/2011 đến tháng 08/2011. Đến tháng 12/2011, chị tiếp tục quay lại làm việc tại Công ty TNHH M cho đến tháng 09/2023. Sau khi nghỉ việc tại Công ty TNHH M, chị làm thủ tục hưởng Bảo hiểm xã hội một lần nhưng Cơ quan bảo hiểm xã hội thông báo cho chị biết là trong khoảng thời gian từ tháng 01/2007 đến tháng 05/2009, chị đã nộp bảo hiểm xã hội hai nơi và được cấp 02 sổ bảo hiểm xã hội nên chưa thực hiện được việc thanh toán bảo hiểm xã hội một lần cho chị. 02 sổ bảo hiểm xã hội đó là: Sổ bảo hiểm xã hội số 0306015325 cấp tại Công ty TNHH M (Bảo hiểm xã hội huyện K, thành phố Hải Phòng) và Sổ bảo hiểm xã hội số 3109003214 cấp tại Công ty TNHH G (Bảo hiểm xã hội thành phố H).

Chị không ký hợp đồng lao động và cũng không làm việc tại Công ty TNHH G nên việc Công ty TNHH G1 cho chị tại Bảo hiểm xã hội thành phố Hải Phòng là không đúng. Sau khi tìm hiểu thì chị được biết trong khoảng thời gian đó, em gái của chị là chị Nguyễn Thị T1 có sử dụng chứng minh thư nhân dân của chị và lấy tên của chị là Nguyễn Thị T để ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH G. Do đó, Công ty TNHH G đã đóng bảo hiểm xã hội cho chị T1 với tên là Nguyễn Thị T.

Vì chị không ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH G nhưng lại có quan hệ lao động giữa chị với Công ty TNHH G làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị. Do đó, chị làm đơn này yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 6 – Hải Phòng tuyên bố hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH G với chị do Nguyễn Thị T1 trực tiếp ký dưới tên chị là vô hiệu. Chị được Tòa án giải thích về quyền yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Tuy nhiên, trong vụ án này chị chỉ yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, không cần Tòa án giải quyết bất kỳ vấn đề nào khác. Vì vậy, chị không yêu cầu Tòa án phải giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Đối với yêu cầu Bảo hiểm xã hội thành phố H đính chính sổ bảo hiểm xã hội số 3109003214 từ họ tên Nguyễn Thị T, ngày sinh 14/12/1987 thành họ tên Nguyễn Thị T1, ngày sinh 10/03/1991, chị xin rút lại yêu cầu này, đến nay chị không yêu cầu Bảo hiểm xã hội phải đính chính thông tin như đơn khởi kiện ban đầu.

Vì chị cũng có một phần lỗi khi để em gái sử dụng giấy tờ cá nhân của chị để đi ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH G nên dù kết quả xét xử thế nào thì chị cũng tự nguyện chịu toàn bộ án phí trong vụ án này.

Do điều kiện công việc không nghỉ nhiều được nên chị kính đề nghị Tòa án xem xét không tiến hành hòa giải vụ án trên, đồng thời tạo điều kiện cho chị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và các phiên xét xử của Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là Công ty G không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai. Tuy nhiên, tại Văn bản số 51/2025/CV-NSCT ngày 14/11/2025, Trưởng Phòng nhân sự của Công ty G trình bày:

Công ty TNHH G đã nhận được thông báo thụ lý vụ án số 243/TB-TLVA ngày 13/10/2025 và Công văn số 170/TA-KV6 ngày 24/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng. Công ty TNHH G trả lời như sau: Phòng nhân sự Công ty TNHH

G đã kiểm tra, rà soát danh sách lao động và xác nhận có trường hợp bà Nguyễn Thị T, sinh ngày 14/12/1987, số chứng minh thư nhân dân tại thời điểm làm việc tại Công ty L có thời gian lao động và tham gia đóng BHXH bắt buộc từ tháng 11/2007 đến hết tháng 5/2009 tại Công ty TNHH G. Do đã lâu, số lượng lao động nghỉ việc nhiều, thời gian đã quá lâu Công ty không còn lưu trữ hồ sơ của người lao động đã nghỉ việc từ nhiều năm trước. Đối với việc chị T có cho người khác mượn giấy tờ để lao động tại Công ty hay không thì Công ty không biết được. Công ty không có lỗi trong việc ký kết hợp đồng lao động với chị T. Tuy nhiên, Công ty cũng đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án đảm bảo quyền lợi cho cả người lao động và Công ty. Vậy, Công ty trả lời cho Tòa án được biết, đồng thời Công ty đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt Công ty theo quy định của pháp luật. Các văn bản gửi cho Công ty, đề nghị Tòa án gửi qua đường bưu điện về cho Công ty theo địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại tổ dân phố F, phường H, thành phố Hải Phòng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội thành phố H cung cấp thông tin sau:

Theo Văn bản số 1223/BHXH-QLT&PTNTG ngày 10/11/2025 của Bảo hiểm xã hội thành phố H xác nhận chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 14/12/1987, số chứng minh thư nhân dân 031381513, mã số bảo hiểm xã hội 3109003214 có thời gian tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN từ tháng 11/2007 đến tháng 5/2009 tại Công ty TNHH G. Bảo hiểm xã hội thành phố H đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị T1 trình bày:

Chị là em gái của chị Nguyễn Thị T. Vào năm 2007, do hoàn cảnh gia đình khó khăn, chị phải đi tìm việc làm để phụ giúp gia đình nhưng khi đó do chưa đủ tuổi nên không thể xin việc được, vì vậy chị đã tự ý lấy chứng minh thư nhân dân của chị T để đi lao động tại Công ty TNHH G mà không thông báo cho chị T biết. Từ tháng 01/2007 đến tháng 05/2009, chị đã làm việc tại Công ty TNHH G dưới tên của chị T. Trong quá trình lao động, chị sử dụng tên của chị T để ký hợp đồng lao động và các giấy tờ khác, tuy nhiên đến nay chị không còn lưu giữ bất kỳ giấy tờ nào. Chị khẳng định chị là người trực tiếp lao động, nhận lương tại Công ty TNHH G và đóng bảo hiểm xã hội theo quy định. Từ khi vào Công ty làm việc cho đến khi nghỉ việc, chị T chưa bao giờ đến Công ty làm việc. Do hoàn cảnh khó khăn, nhận thức pháp luật hạn chế và mong muốn duy trì công việc nên chị không báo cho Công ty biết về việc mình mượn hồ sơ pháp lý của chị T để giao kết hợp đồng lao động. Đến nay, chị cũng không còn nhớ số, ngày, tháng, năm ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH G cụ thể như thế nào.

Đối với số sổ bảo hiểm xã hội mà chị đóng mang tên chị T là 3109003214. Đến nay chị T yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa Công ty TNHH G với chị Nguyễn Thị T (do chị là người trực tiếp ký) vô hiệu, chị đồng ý và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị T. Do chị có lỗi trong việc cung cấp giấy tờ cho Công ty khi ký kết hợp đồng lao động dẫn đến vô hiệu nên chị không đòi hỏi bất kỳ quyền lợi nào

liên quan đến số bảo hiểm xã hội số 3109003214 mang tên chị T (do chị đóng). Chị không yêu cầu Tòa án điều chỉnh thông tin số bảo hiểm xã hội số 3109003214 từ tên Nguyễn Thị T sang tên chị. Do điều kiện công việc, chị không thể đến Tòa án để trực tiếp giải quyết vụ án được, chị đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị. Chị xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, hòa giải, các phiên xét xử của Tòa án. Các văn bản, thông báo của Tòa án, đề nghị Tòa án gửi cho chị T nhận hộ chị.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và gửi thông báo kết quả phiên họp cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và tiến hành lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 và khoản 3 Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 5 Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 2 Điều 244 và Điều 516 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 49, Điều 50 và Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị Nguyễn Thị T1 (sử dụng tên chị Nguyễn Thị T) với Công ty G vô hiệu; Đình chỉ yêu cầu buộc Bảo hiểm xã hội thành phố Hải Phòng đính chính thông tin số bảo hiểm xã hội số 3109003214 từ tên Nguyễn Thị Thúy T2 tên Nguyễn Thị T1; chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc nhận nộp toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và giải quyết về bảo hiểm xã hội đối với bị đơn là Công ty G có địa chỉ trụ sở tại tổ dân phố F, phường H, thành phố Hải Phòng. Theo điểm d khoản 1 và khoản 5 Điều 32, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 516 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn xin xét vắng mặt. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai, không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện trong khoảng thời gian từ tháng 01/2007 cho đến tháng 5/2009, chị

Nguyễn Thị T1 đã mượn hồ sơ cá nhân của chị Nguyễn Thị T để giao kết hợp đồng lao động vào làm việc tại Công ty G dưới tên của chị T. Chị T1 được Công ty G đóng bảo hiểm xã hội trong khoảng thời gian trên với tên chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 14/12/1987, số chứng minh thư nhân dân 031381513, mã số sổ bảo hiểm xã hội 3109003214. Việc chị T1 mượn hồ sơ cá nhân của chị T, cung cấp thông tin về nhân thân không trung thực để giao kết hợp đồng lao động với Công ty G là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi giao kết hợp đồng lao động, đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; vi phạm điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự quy định tại Điều 122 Bộ luật Dân sự năm 2005. Do đó, hợp đồng lao động được giao kết giữa các bên là hợp đồng không có hiệu lực theo quy định pháp luật. Căn cứ các điều 122, 127 và 136 Bộ luật Dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa chị Nguyễn Thị T1 (sử dụng tên chị Nguyễn Thị T) và Công ty G trong khoảng thời gian từ tháng 01/2007 đến tháng 5/2009 là vô hiệu.

[4] Về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn xin rút yêu cầu buộc Bảo hiểm xã hội thành phố H đính chính thông tin sổ bảo hiểm xã hội số 3109003214 từ tên Nguyễn Thị T, sinh ngày 14/12/1987 thành tên Nguyễn Thị T1, sinh ngày 10/3/1991. Xét thấy, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện trên là tự nguyện, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với một phần yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn.

[6] *Về án phí*: Chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn xin nhận nộp toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 32, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 và Điều 516 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994;

Căn cứ Điều 49, Điều 50 và Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ vào Điều 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T đối với bị đơn là Công ty TNHH G.

Tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa chị Nguyễn Thị T1 (sử dụng tên chị Nguyễn Thị T) và Công ty TNHH G trong khoảng thời gian từ tháng 01/2007 đến tháng 5/2009 là vô hiệu.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Bảo hiểm xã hội thành phố H đính chính thông tin sổ bảo hiểm xã hội số 3109003214 từ tên Nguyễn Thị T, sinh ngày 14/12/1987 thành tên Nguyễn Thị T1, sinh ngày 10/3/1991.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T nhận nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí lao động sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí lao động sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003586 ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng, chị T đã nộp đủ án phí lao động sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 6 - Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Hoàng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Ngọc Minh Nguyễn Thi Loan

Vũ Văn Hoàng

